

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
		A. TUẦN HOÀN
1	1_1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
2	1_2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3	1_3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
4	1_5	Làm test phục hồi máu mao mạch
5	1_6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên
6	1_7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng
7	1_8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
8	1_9	Đặt catheter động mạch
9	1_10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
10	1_11	Chăm sóc catheter động mạch
11	1_15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	1_16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ
13	1_17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ
14	1_18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
15	1_19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường
16	1_20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu
17	1_21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu
18	1_22	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc
19	1_28	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
20	1_29	Đo độ bão hoà oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)
21	1_32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
22	1_34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện
23	1_35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
24	1_36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực
25	1_37	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim
26	1_39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ
27	1_40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm
28	1_41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu
29	1_44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ
30	1_45	Dùng thuốc chống đông
31	1_46	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu
32	1_51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
		B. HỒ HẤP
33	1_52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
34	1_53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
35	1_54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
36	1_55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)
37	1_56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)
38	1_57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
39	1_58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
40	1_59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)
41	1_60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
42	1_61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)
43	1_62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ
44	1_63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)
45	1_64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
46	1_65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
47	1_66	Đặt ống nội khí quản
48	1_67	Đặt nội khí quản 2 nòng
49	1_68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube
50	1_69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu
51	1_70	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)
52	1_71	Mở khí quản cấp cứu

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
53	1_72	Mở khí quản qua màng nhĩ giáp
54	1_73	Mở khí quản thường quy
55	1_75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
56	1_76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
57	1_77	Thay ống nội khí quản
58	1_78	Rút ống nội khí quản
59	1_79	Rút canuyn khí quản
60	1_80	Thay canuyn mở khí quản
61	1_81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
62	1_82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)
63	1_83	Theo dõi ETCO ₂ ≤ 8 giờ
64	1_84	Thăm dò CO ₂ trong khí thở ra
65	1_86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
66	1_87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
67	1_88	Làm ấm đường thở qua máy phun sương mù
68	1_89	Đặt canuyn mở khí quản O ₂ nòng
69	1_91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ giáp
70	1_92	Siêu âm màng phổi cấp cứu
71	1_93	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter
72	1_94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ
73	1_96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca
74	1_97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ
75	1_128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ
76	1_129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ
77	1_130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ
78	1_131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ
79	1_132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ
80	1_133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ
81	1_134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ
82	1_135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ
83	1_136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ
84	1_137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ
85	1_138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ
86	1_144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển
87	1_145	Cài thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ
88	1_146	Cài thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ
89	1_147	Cài thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ
90	1_148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40
91	1_149	Thủ thuật huy động phế nang 60/40
92	1_150	Thủ thuật huy động phế nang PCV
93	1_151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP
94	1_152	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T-tube
95	1_154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ
96	1_155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ
97	1_157	Cổ định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
98	1_158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
99	1_159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao
		C. THẬN - LỌC MÁU
100	1_160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
101	1_161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
102	1_162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ
103	1_163	Mở thông bàng quang trên xương mu
104	1_164	Thông bàng quang
105	1_165	Rửa bàng quang lấy máu cục
106	1_166	Vận động trị liệu bàng quang
107	1_170	Bài niệu cường bức ≤ 8 giờ
108	1_171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
109	1_172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu
110	1_173	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)
111	1_174	Thận nhân tạo cấp cứu
112	1_175	Thận nhân tạo thường qui
113	1_176	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)
114	1_177	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)
115	1_178	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn
116	1_179	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng
117	1_180	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp
118	1_181	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)
119	1_182	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn
120	1_183	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng
121	1_184	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp
122	1_185	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS
123	1_186	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích
124	1_187	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng
125	1_189	Lọc và tách huyết tương chọn lọc
126	1_192	Thay huyết tương sử dụng huyết tương
127	1_193	Thay huyết tương sử dụng albumin
128	1_195	Thay huyết tương trong hội chứng Guillain-Barré, nhược cơ
129	1_196	Thay huyết tương trong lupus ban đỏ rải rác
		D. THẬN KINH
130	1_202	Chọc dịch tủy sống
131	1_205	Theo dõi áp lực nội sọ liên tục ≤ 8 giờ
132	1_211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ
133	1_213	Điều trị cơ giết liên tục ≤ 8 giờ
134	1_214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ
		D. TIÊU HOÁ
135	1_215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
136	1_216	Đặt ống thông dạ dày
137	1_217	Mở thông dạ dày bằng nội soi
138	1_218	Rửa dạ dày cấp cứu
139	1_219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
140	1_221	Thụt tháo
141	1_222	Thụt giữ
142	1_223	Đặt ống thông hậu môn
143	1_224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
144	1_225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
145	1_226	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ
146	1_227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ
147	1_228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
148	1_229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
149	1_230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
150	1_231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu
151	1_238	Đo áp lực ổ bụng
152	1_239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
153	1_240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
154	1_241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ
155	1_243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ
156	1_244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm
		E. TOÀN THÂN
157	1_245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
158	1_246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
159	1_250	Kiểm soát đau trong cấp cứu
160	1_251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
161	1_252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
162	1_253	Lấy máu tĩnh mạch ben

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
163	1_254	Truyền máu và các chế phẩm máu
164	1_255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ
165	1_256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch
166	1_257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch
167	1_258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ
168	1_259	Rửa mắt tủy độc
169	1_260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
170	1_261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)
171	1_262	Gội đầu cho người bệnh tại giường
172	1_263	Gội đầu tủy độc cho người bệnh
173	1_264	Tắm cho người bệnh tại giường
174	1_265	Tắm tủy độc cho người bệnh
175	1_266	Xoa bóp phòng chống loét
176	1_267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
177	1_268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ
178	1_269	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
179	1_270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
180	1_271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
181	1_272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ
182	1_273	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu
183	1_274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp
184	1_275	Băng bó vết thương
185	1_276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
186	1_277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
187	1_278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
188	1_279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống
189	1_280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
		G. XÉT NGHIỆM
190	1_281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
191	1_282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
192	1_283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm
193	1_284	Định nhóm máu tại giường
194	1_286	Đo các chất khí trong máu
195	1_287	Đo lactat trong máu
196	1_296	Phát hiện opiat bằng naloxone
		H. THĂM ĐO KHÁC
197	1_303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh
		I. HỒ HẤP
		K. TIM MẠCH
198	1_320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm